

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị phê duyệt phương án giá dịch vụ công ích thủy lợi
và dịch vụ thủy lợi khác năm 2021 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Kính gửi: - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ về việc Quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại văn bản số 1427/SNN-KHTC ngày 18/9/2020 về việc phương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Sở Tài chính tại văn bản số 735/STC-TCDN ngày 31/7/2020 về việc thẩm định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi.

UBND tỉnh Bắc Ninh kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính phương án giá dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác năm 2021 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Hệ số quy đổi	Đắc Đương	Nam Đương
A	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	đồng/ha/vụ		2.738.000	2.651.000
I	Đối với lúa				
1	Tưới, tiêu chủ động	đồng/ha/vụ	100%	2.738.000	2.651.000
2	Chuyên tưới	đồng/ha/vụ	70%	1.916.600	1.855.700
3	Chuyên tiêu	đồng/ha/vụ	30%	821.400	795.300
4	Tưới tiêu chủ động 1 phần	đồng/ha/vụ	60%	1.642.800	1.590.600
5	Tưới tiêu tạo nguồn	đồng/ha/vụ	50%	1.369.000	1.325.500
6	Tạo nguồn tưới, tiêu từ bậc 2 trở lên	đồng/ha/vụ	120%	3.285.600	3.181.200

II	Đối với mạ, rau, màu	đồng/ha/vụ			
1	Tưới, tiêu chủ động	đồng/ha/vụ	40%	1.095.200	1.060.400
2	Chuyên tưới	đồng/ha/vụ	28%	766.640	742.280
3	Tưới tiêu tạo nguồn	đồng/ha/vụ	20%	547.600	530.200
4	Tạo nguồn tưới, tiêu từ bậc 2 trở lên	đồng/ha/vụ	48%	1.314.240	1.272.480
III	Tưới cho cây lâu năm (cây ăn quả)	đồng/ha/vụ	96%	2.628.480	2.544.960
IV	Thủy sản	đồng/ha/vụ	76%	2.080.880	2.014.760
V	Tiêu phi canh tác (tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị)	đồng/ha/vụ	4%	95.830	92.785
B	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (tiêu công nghiệp)	đồng/ha/vụ	21%	574.980	556.710

UBND tỉnh Bắc Ninh kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xem xét, ban hành khung giá để có cơ sở áp dụng trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận: *M&L*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: NN&PTNT, TC;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thành
Nguyễn Hữu Thành